

# ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỚI NGHỆ THUẬT NẮM BẮT THỜI CƠ TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

PGS, TS VŨ QUANG VINH\*

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một sự kiện lịch sử trọng đại của thế kỷ XX, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Đó là một mốc son chói lọi trên con đường đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa đế quốc. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã chặn đứt khâu yếu nhất trong hệ thống nô dịch của chủ nghĩa đế quốc thế giới, mở đầu thời kỳ tan rã của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân. Nghệ thuật nắm bắt thời cơ của Đảng trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 vẫn giữ nguyên giá trị trong công cuộc đổi mới hiện nay.

## 1. Chủ trương nắm bắt thời cơ của Đảng trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Nói đến thắng lợi Cách mạng Tháng Tám phải nói đến nghệ thuật nắm bắt thời cơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Tham mưu tối cao của Đảng ta. Thời cơ là một vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt trong nghệ thuật chỉ đạo cách mạng của Đảng. Muốn có thời cơ thì phải biết tạo ra thời cơ và khi thời cơ đến thì phải tận dụng và tranh thủ thời cơ, không được bỏ lỡ. Xác định mục tiêu đúng mà không có thời cơ, hay không biết chủ động tạo ra thời cơ, thì không thể tiến hành tổng khởi nghĩa thắng lợi.

Vậy khi nào thì thời cơ chiến lược của cuộc tổng khởi nghĩa sẽ xuất hiện. Ngày 8 - 3 - 1945, tin từ cơ sở Hà Nội báo cho Ban Thường vụ Trung ương Đảng biết việc Toàn quyền Đờcu vào Sài Gòn, quân Nhật ở Hà Nội có lệnh cấm trại, chuẩn bị vũ khí, lương thực; quân Pháp cũng được lệnh báo động. Với ý thức nhạy bén, Tổng Bí thư Trường Chinh nhận định, Nhật lật Pháp đến nơi rồi và lập tức quyết định họp Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng. Tối ngày 9 - 3 - 1945, Hội nghị bắt đầu họp tại chùa Đồng Kỵ (Tiên Du, Bắc Ninh). Toàn bộ Hội nghị được phân ánh một cách cô đọng, chính xác trong bản Chỉ thị "*Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*". Bản Chỉ thị nhận định rằng, cuộc đảo chính đó tạo ra ở Đông Dương "một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc", nhưng "những điều kiện khởi nghĩa chưa thực chín muồi"<sup>1</sup>.

Bản Chỉ thị vạch ra những điều kiện của cuộc khởi nghĩa Đông Dương chưa chín muồi đang đi tới chín muồi nhanh chóng. Ba cơ hội tốt giúp cho những điều kiện khởi nghĩa mau chóng chín muồi là:

"a) Chính trị khủng hoảng (quân thù không rành tay đối phó với cách mạng).

b) Nạn đói ghê gớm (quần chúng oán ghét quân cướp nước).

c) Chiến tranh đến giai đoạn quyết liệt (đồng minh sẽ đổ bộ vào Đông Dương đánh Nhật)"<sup>2</sup>.

\* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Đền Hội nghị Trung ương 8, tháng 5 năm 1941, Đảng ta cho rằng phải có 5 điều kiện:

*Một là*, xây dựng, phát triển và củng cố Mặt trận Dân tộc thống nhất chống phát xít Nhật - Pháp ở khắp nơi.

*Hai là*, gây một phong trào đấu tranh rộng rãi và quyết liệt để cứu nước, cứu dân.

*Ba là*, chuẩn bị lực lượng vũ trang, phát triển và củng cố các đội tự vệ, các đơn vị du kích, thành lập, phát triển và củng cố các căn cứ địa du kích. Tuyên truyền binh lính của đế quốc.

*Bốn là*, vũ trang lý luận và kinh nghiệm khởi nghĩa giành chính quyền cho cán bộ, đảng viên, nghiên cứu kinh nghiệm của các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương...

*Năm là*, củng cố và phát triển Đảng ở cả thành thị và nông thôn, phải xây dựng cho được những cơ sở của Đảng và cơ sở cứu quốc ở các nơi tập trung công nhân, các đường giao thông chiến lược.

Những điều kiện nói trên là những yếu tố cơ bản để tăng cường thực lực cách mạng và làm chuyển biến tình hình so sánh lực lượng có lợi cho ta. Ở đây, điều kiện là cái xuất hiện của thời cơ. Điều kiện là tiền đề cơ bản để biến khả năng thành hiện thực. Như vậy, thời cơ không phải tự nó xuất hiện mà phải có điều kiện bảo đảm cho nó xuất hiện. Xem xét các điều kiện chính là để bắt mạch thời cơ. Không có những điều kiện cần thiết hoặc chưa tạo ra những điều kiện ấy mà đã vội quyết định thời cơ hành động, thì sẽ rơi vào con đường phiêu lưu, mạo hiểm. Ngược lại, khi đã có đủ các điều kiện tất yếu mà lại không chớp lấy thời cơ để biến khả năng thành hiện thực thì lại phạm sai lầm hữu khuynh.

Đảng luôn xem xét việc xuất hiện một thời cơ chiến lược bao giờ cũng tùy thuộc vào hàng loạt điều kiện: điều kiện khách quan và điều kiện chủ quan, điều kiện bên trong và điều kiện bên ngoài, điều kiện trong nước và điều kiện quốc tế, điều kiện có tác dụng nhất thời và điều kiện có tác dụng lâu dài. Về điều kiện khách quan, điều kiện quốc tế có lợi cho cuộc khởi nghĩa Đông Dương, Nghị quyết Trung ương 8, tháng 5 - 1941, đã chỉ rõ: "Quân Tàu đại thắng quân Nhật, Cách mạng Pháp hay Cách mạng Nhật nổi dậy, phe dân chủ đại thắng ở Thái Bình Dương, Liên Xô đại thắng, cách mạng các

thuộc địa Pháp, Nhật sôi nổi và nhất là quân Tàu hay quân Anh - Mỹ tràn vào Đông Dương"<sup>3</sup>. Đó là những điều kiện bên ngoài giúp cho tình hình cách mạng Đông Dương mau phát triển, góp phần tạo thời cơ cho cuộc tổng khởi nghĩa thắng lợi.

Khi dự đoán khả năng xuất hiện của thời cơ, Đảng bao giờ cũng coi trọng điều kiện khách quan, nhưng luôn luôn nhấn mạnh đến điều kiện chủ quan, đến hành động tự giác của quần chúng nhân dân làm biến đổi khả năng chuyển hóa của thời cơ. Lịch sử chứng minh, cùng một điều kiện khách quan ngang nhau, nhưng điều kiện chủ quan khác nhau, sẽ có tác dụng khác nhau. Nếu ta chỉ nhấn mạnh điều kiện bên ngoài mà không coi trọng hay coi không đầy đủ điều kiện bên trong thì không thể xác định đúng khả năng hành động để chớp thời cơ giành thắng lợi quyết định cho cách mạng. Do đó, Đảng ta cho rằng: "Dù đối với Trung Quốc đỏ hay Trung Quốc trắng, đối với Liên Xô hay Anh, Mỹ ta cũng không được có thái độ ý lại, sơ hở, không được khoan tay chờ cho người ta đến giải phóng họ. Công việc giải phóng dân tộc của ta phải tự ta làm lấy, sức ủng hộ bên ngoài nếu có thể chỉ là thêm vào mà thôi". Chính trên ý nghĩa ấy, Đảng ta chỉ rõ: "Bồn phận ta là phải gấp rút chuẩn bị lực lượng để bất cứ trong trường hợp nào cũng có thể lợi dụng khi quân Trung Quốc hay quân Anh, Mỹ vào Đông Dương mà nổi dậy giành chính quyền, tự lực xây dựng cơ sở cho dân tộc"<sup>4</sup>.

Tư duy biện chứng của Đảng ta luôn luôn thấu suốt quan điểm toàn diện trong khi xem xét khả năng xuất hiện và phát triển của thời cơ, tức là vừa nhấn mạnh điều kiện khách quan, nhưng không xem nhẹ điều kiện chủ quan, nắm vững điều kiện bên ngoài, luôn xem xét các điều kiện trong nước, nhưng không quên xét kỹ đến các điều kiện quốc tế, vừa nhìn toàn cục trên cơ sở phân tích quy luật phát triển tổng hợp của các điều kiện xuất hiện thời cơ, nhưng lại không quên đi sâu phân tích cụ thể các điều kiện riêng biệt trong mối liên hệ tổng thể của thời cơ. Có thể nói đó là nghệ thuật xem xét các quy luật biến đổi của các điều kiện để thúc đẩy quá trình xuất hiện và chuyển hóa của thời cơ.

Đồng thời, trong khi dự đoán các khả năng phát triển của thời cơ, ta không chỉ có xem xét các khả

năng phát triển của ta mà còn phải chú ý theo dõi khả năng phát triển của đối phương. Trong cách mạng, mỗi bên muốn thực hiện khả năng lựa chọn của mình thì không thể không tính đến việc ngăn chặn khả năng thực hiện của đối phương. Vì vậy, muốn thực hiện khả năng được lựa chọn, bao giờ cũng phải trải qua một cuộc đấu trí và đấu lực giữa hai lực lượng: mỗi bên đều muốn thực hiện nhanh chóng những khả năng lựa chọn của mình bằng cách cố gắng tìm hiểu, nghiên cứu khả năng hành động của đối phương để ra sức kiềm chế việc thực hiện những khả năng ấy.

## 2. Kịp thời phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến

Nói đến việc xác định thời cơ của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, không thể không nói đến cuộc đấu trí hết sức căng thẳng giữa một bên là các nhà chiến lược của lực lượng cách mạng Việt Nam và một bên là các nhà chiến lược của các lực lượng đồng minh gồm Anh, Pháp, Mỹ, Tưởng Giới Thạch trong cuộc “chạy đua” tranh thủ thời cơ giành giật và xác lập quyền lực tại Việt Nam.

Có thể nói trong cuộc “chạy đua” này, các nhà chiến lược của các nước đồng minh đã gặp khá nhiều mâu thuẫn, lúng túng, bị động và không ít bất ngờ. Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương nổ ra ngày 7 - 12 - 1941, các nước đồng minh đều lên tiếng chống Nhật, nhưng tại sao Nhật lại vào Đông Dương một cách khá “dễ dàng” mà không vấp phải một sự chống trả nào của Anh, Pháp, Mỹ, Tưởng. Bởi vì, nội bộ của họ chứa đầy mâu thuẫn: mâu thuẫn giữa Anh và Mỹ, giữa Pháp và Mỹ, giữa Pháp và Tưởng. Anh thì muốn nhanh chóng vào Viễn Đông để giành lại những thuộc địa mà sau cuộc chiến tranh Thái Bình Dương mà Nhật đã chiếm giữ; cho nên, trước sau Anh luôn luôn ủng hộ Pháp mau chóng đưa lực lượng sang Viễn Đông chống Nhật và giúp Pháp trở lại Đông Dương. Còn Pháp thì sau thất bại ở châu Âu vào tháng 6 - 1940, buộc phải chấp nhận cho Nhật vào Đông Dương, nhưng trước sau vẫn có âm mưu trở lại thống trị Đông Dương.

Nhìn thấy lực lượng của Anh, Pháp ở Viễn Đông đã suy yếu trong chiến tranh, Mỹ lợi dụng tình hình ấy, âm mưu gạt dần ảnh hưởng của Anh, Pháp ở khu

vực này, nhất là muốn loại bỏ Pháp ra khỏi Đông Dương. Nhưng, Mỹ bị kẹt vào cuộc chiến tranh Thái Bình Dương chống Nhật, chưa có cơ hội can thiệp trực tiếp, nên phải dùng con bài Tưởng Giới Thạch để kiềm chân Pháp. Còn Tưởng, tuy đã tuyên chiến với Nhật ngày 9 - 12 - 1941, nhưng vì bị hao người tổn của trong cuộc chiến chống Nhật ở trong nước, nên chưa thể nói đến việc chống Nhật trên chiến trường Đông Dương, hơn nữa Tưởng muốn tập trung lực lượng cho cuộc chiến chống Đảng Cộng sản Trung Quốc, không muốn phân tán lực lượng đi nơi khác.

Như vậy, bên ngoài họ cũng hô hào chống Nhật, nhưng nội bộ lực lượng, vừa lợi dụng nhau lại vừa kiềm chế lẫn nhau, nên quân Nhật mới tiến vào Đông Dương một cách thuận lợi như vậy. Tuy nhiên, ngay từ khi quân Nhật tiến vào Lạng Sơn, nhân dân ta đã dũng cảm đứng lên chống Nhật, điển hình là cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (9 - 1940), đã nói rõ điều này. Vấn đề các lực lượng đồng minh tiến vào Đông Dương là điều không sớm thì muộn nhất định sẽ xảy ra. Việc lợi dụng mâu thuẫn và làm cho các lực lượng ấy lực lượng, kiềm chế và cản chân nhau trong việc vào Đông Dương là điều mà Đảng ta đặc biệt quan tâm, nhằm làm chậm bước tiến của chúng để tạo thời cơ cho ta chuẩn bị đầy đủ lực lượng tiến hành Tổng khởi nghĩa thắng lợi. Nghị quyết Hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản Đông Dương ngày 15 - 8 - 1945 đã nhận định rõ:

“a) Sự mâu thuẫn giữa hai phe đồng minh Anh, Pháp và Mỹ, Tàu về những vấn đề Đông Dương là một điều ta cần lợi dụng.

b) Sự mâu thuẫn giữa Anh, Mỹ, Pháp và Liên Xô có thể làm cho Anh, Mỹ nhân nhượng với Pháp và để cho Pháp trở lại Đông Dương”<sup>5</sup>.

Lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ các lực lượng đồng minh nhằm tranh thủ và tận dụng thời cơ giành thắng lợi quyết định trong Cách mạng Tháng Tám, là một chiến sách rõ ràng của Đảng ta trong thời điểm bước ngoặt này. Do đó, chiến sách của chúng ta là “phải tránh cái trường hợp một mình đối phó với nhiều lực lượng Đồng minh (Tàu, Pháp, Anh, Mỹ) tràn vào nước ta và đặt chính phủ của Pháp Đệ nhị hay một chính phủ bù nhìn khác trái với ý nguyện dân tộc”<sup>6</sup>. Bởi vậy, đường lối của Đảng ta,

như Nghị quyết đã chỉ rõ là: "... cần tranh thủ sự đồng tình của Liên Xô và Mỹ chống lại mưu mô của Pháp định khôi phục địa vị cũ ở Đông Dương và mưu mô của một số quân phiệt Tàu định chiếm nước ta"<sup>7</sup>. Và điều quyết định trong cuộc chạy đua để tranh thủ thời cơ này là: "... chỉ có thực lực của ta mới quyết định được sự thắng lợi giữa ta và đồng minh"<sup>8</sup>. Đó chính là thực chất của toàn bộ vấn đề thời cơ được đặt ra lúc này.

Từ năm 1942 trở đi, càng về sau mâu thuẫn và đấu tranh giữa các lực lượng Đồng minh xung quanh vấn đề đưa quân vào Đông Dương vẫn tiếp diễn ngày càng gay gắt trong các cuộc đàm phán về khu vực hành quân. Đối với Pháp, kẻ có nhiều quyền lợi thiết thân nhất, và đòi hỏi cấp bách phải vào Việt Nam, thì đã bị Mỹ nhiều lần ngăn cản và gây khó dễ. Ngay từ tháng 9 - 1943, Pháp đã quyết định tổ chức một đạo quân gồm hai sư đoàn Viễn Đông. Nhưng mãi đến tháng 11 - 1944, F.Roosevelt (Tổng thống Mỹ) đã lệnh cho các nhân viên quân sự và dân sự Mỹ không được thảo luận và đồng ý về bất cứ điều gì với Pháp liên quan tới Đông Dương. Đồng thời từ chối giúp Pháp việc trang bị vũ khí và phương tiện chuyên quân sang Viễn Đông, lý do là Mỹ phải tập trung cho việc phục vụ chiến trường châu Âu. Tháng 1 - 1945, Roosevelt lại có công hàm chính thức từ chối yêu cầu khẩn thiết cung cấp tàu chở quân Pháp sang Viễn Đông, mãi đến tháng 5 - 1945, sau cuộc "đảo chính" của Nhật ở Đông Dương hai tháng, Pháp mới bắt đầu chuẩn bị đưa hai sư đoàn sang Đông Dương, nhưng quân đoàn này đặt dưới quyền chỉ huy của quân đội Mỹ ở Thái Bình Dương.

Còn trong cuộc "đảo chính", quân Pháp tháo chạy sang biên giới Việt - Trung, cùng với phái bộ 5 của Pháp ở Côn Minh đều bị quân Tưởng cầm chân ở Hoa Nam. Đến ngày 21 - 7 - 1945, Mỹ lại cự tuyệt một lần nữa việc cung cấp tàu chở quân của tướng Pháp Locléc sang Đông Dương. Điều thảm hại đối với Pháp là chỉ hai ngày sau, ngày 23 - 7 - 1945, tại Hội nghị Potsdam, Mỹ và Anh chẳng cần Pháp, đã thỏa thuận lấy vĩ tuyến 16 (Đà Nẵng) làm ranh giới hành quân và tiếp nhận sự đầu hàng của Nhật ở Việt Nam. Ở Nam vĩ tuyến 16 thuộc quyền kiểm soát của quân đội Anh và phía Bắc là quân đội Mỹ, nhưng

Mỹ lại để cho quân Tưởng thay mình làm việc này từ vĩ tuyến 16 trở ra.

Một số học giả Mỹ cố biện minh cho chính sách trên đây là "thiện chí" của Mỹ "ngăn cản" Pháp trở lại Đông Dương. Nhưng, Mỹ làm như vậy không phải là có thái độ tốt đẹp gì với cách mạng Đông Dương. Chẳng qua là Mỹ muốn gạt bỏ Pháp ra khỏi Đông Dương để mình thay chân Pháp bằng cách "chơi con bài" Tưởng Giới Thạch. Đồng thời, chính sách này cũng phản ánh mâu thuẫn nội bộ giữa các nước đồng minh trong vấn đề Đông Dương.

Như vậy, sau cuộc Nhật đảo chính Pháp ngày 9 - 3 - 1945, cuộc chạy đua giữa các lực lượng cách mạng nước ta và các lực lượng đồng minh cùng thực dân Pháp nhằm tranh thủ thời cơ giành giật và xác lập quyền lực tại Đông Dương và Việt Nam ngày càng quyết liệt hơn. Đặc biệt là trước và sau thời điểm Hội nghị Potsdam có sự phân chia dứt khoát khu vực hành quân và tiếp nhận sự đầu hàng của Nhật ở Việt Nam, thì cuộc chạy đua giữa hai lực lượng này càng đi vào giai đoạn nước rút.

Nhưng, tại sao trước tình hình các lực lượng đồng minh có cả một âm mưu, kế hoạch và được chuẩn bị kỹ càng lâu dài để xâm nhập và trở lại Việt Nam, và tại sao nhìn bề ngoài có vẻ như họ đã chiếm thế thượng phong mà phải đứng nhìn cả dân tộc Việt Nam nhất tề đứng dậy giành chính quyền từ tay giặc Nhật trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945?

Việc lực đực, mâu thuẫn, lợi dụng, kiềm chế nhau của các lực lượng đồng minh xuất phát từ lợi ích đế quốc chủ nghĩa của họ chính là nguyên nhân đầu tiên quan trọng nhất khiến cho họ lúng túng, bị động và bất ngờ trong việc chọn thời điểm đưa quân vào Đông Dương và Việt Nam để tranh giành quyền lực. Điều đáng nói là việc nhận định chủ quan và đánh giá sai lệch về các đối thủ mà họ phải tranh đua và giành giật quyền lực tại Việt Nam.

Trước hết, hãy nói đến sự chủ quan và sai lệch của họ trong việc nhận định và đánh giá về phát xít Nhật như thế nào? Về thời điểm kết thúc chiến tranh Thái Bình Dương và sự đầu hàng của Nhật Bản, họ đã phạm sai lầm trong dự báo các khả năng cũng như lựa chọn thời cơ hành động. Năm 1944, tại Hội nghị Đămbotom, cả Anh và Mỹ đều xác định rằng phải đến năm 1947 mới có thể đánh bại được phát xít Nhật; cho đến tận tháng 2 năm 1945, tại Hội nghị

Yanta, cả hai đều vẫn nhắc lại nhận định sai lệch trên. Căn cứ mà họ đưa ra nhận định ấy chính là xuất phát từ sự đánh giá quá cao lực lượng so sánh của Nhật, rằng Nhật vẫn còn một đội quân hùng mạnh khoảng 7 triệu tên, riêng ở chiến trường Đông Dương có khoảng 100.000 tên, thì việc đánh bại quân Nhật phải mất vài ba năm.

Từ sự chủ quan trong việc đánh giá lực lượng của Liên Xô. Anh Mỹ cho rằng, tuy ở Hội nghị Yanta (2 - 1945), Liên Xô đã thỏa thuận sẽ tham chiến chống Nhật ba tháng sau khi Đức bị đánh bại ở châu Âu, nhưng họ lại không bao giờ lường được Liên Xô lại có thể nhanh chóng chuẩn bị và điều động được một lực lượng hùng hậu sang mặt trận phía Đông trong một thời gian ngắn. Hơn nữa, họ cho rằng dù có tuyên chiến với Nhật, nhưng Liên Xô không thể tiêu diệt nhanh gọn đội quân Quan Đông hầu như còn nguyên vẹn như vậy. Bởi do đánh giá cao lực lượng của Nhật và đánh giá thấp lực lượng của Liên Xô, mà trong cuộc chạy đua vào Đông Dương, các đồng minh đã bỏ lỡ nhiều cơ hội. Cho đến tận ngày 1 tháng giêng năm 1945, trong thông báo gửi Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ, Tổng thống F. Roosevelt nói: "Tôi vẫn chưa muốn chính thức dính líu bất cứ quyết định nào về Đông Dương... Tôi cũng không muốn có bất cứ một nỗ lực quân sự nào vào lúc này để giải phóng Đông Dương khỏi người Nhật... Xét theo quan điểm quân sự hay dân sự, hành động vào lúc này là quá sớm". Ông ta còn nhấn mạnh: "Đông Dương không nằm trong khu vực quan tâm của Hội đồng tham mưu liên quân Mỹ"<sup>9</sup>.

Đến mùa hè năm 1945 mà chính sách của Mỹ đối với Đông Dương vẫn còn trong tình trạng mơ hồ, vẫn còn nhầm lẫn gọi Mặt trận Việt Minh là "Đông Dương độc lập đồng minh", và trong thâm tâm họ cho rằng phong trào cách mạng Việt Nam là một phong trào quốc gia, không có khả năng làm việc gì lớn, Pháp và Tưởng có thể giải quyết được. Còn đối với Pháp thì cho đến ngày 20 - 5 - 1945 mới biết được rằng người lãnh đạo Việt Minh là Hồ Chí Minh và đó chính là Nguyễn Ái Quốc vốn đã quá "quen thuộc" đối với người Pháp từ những năm 20 của thế kỷ XX<sup>10</sup>.

Trong khi đó thì ngay từ năm 1941, Hồ Chí Minh đã dự báo "năm 1945 Việt Nam độc lập"<sup>11</sup>. Sau đó,

tháng 10 - 1944, trong *Thư gửi đồng bào toàn quốc*, Người còn nói: "Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!"<sup>12</sup>. Ngày 8 - 8 - 1945, khi Liên Xô mở mặt trận phía Đông, chính thức tham chiến chống Nhật, thì đến ngày 10 - 8 - 1945, Đảng ta triệu tập Hội nghị toàn quốc và ngày 15 - 8 - 1945 thì có Nghị quyết của Hội nghị. Nghị quyết chỉ rõ: "Những điều kiện khởi nghĩa ở Đông Dương đã chín muồi... Cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới". Và còn nhiều quyết định cực kỳ khoa học và chính xác nữa mà Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương đã đưa ra trong thời cơ lịch sử quan trọng này. Đó là những quyết định ở tầm chiến lược và sách lược, ở tầm phương pháp cách mạng và nghệ thuật chỉ đạo, góp phần to lớn giành thắng lợi vĩ đại trong cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Trong khi các nước đồng minh có nhiều cơ hội và được chuẩn bị khá chu đáo để giành giật và xác định quyền lực tại Việt Nam, thì thời cơ cách mạng chỉ đến với Đảng ta và nhân dân ta trong vòng trên dưới 15 ngày, kể từ khi Liên Xô chính thức tham chiến chống Nhật, ngày 8 - 8 - 1945, để tiến hành cuộc tổng khởi nghĩa thành công đến bất ngờ, vì ngay ngày 19 - 8 - 1945, cuộc khởi nghĩa thành công ở Hà Nội, ngày 23 - 8 ở Huế và ngày 25 - 8 ở Sài Gòn. Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh đứng đầu ra đời ngày 28 - 8 - 1945. Trong khi đó thì mãi đến ngày 24 - 8 - 1945, Mỹ mới thừa nhận chính thức quyền của Pháp trở lại Đông Dương, tức là sau khi Cách mạng Tháng Tám đã thành công về cơ bản trong cả nước. Còn Anh thì phải đến ngày 12 - 9 - 1945, những đơn vị đầu tiên của quân Anh - Ấn mới vào tới Sài Gòn, trong khi ta đã tuyên bố độc lập từ ngày 2 - 9 - 1945. Thảm hại hơn là Pháp, ngày 18 - 8 - 1945, tướng Locléc mới lên đường sang Viễn Đông, cao ủy Đácgiăngliơ thì đến ngày 5 - 9 - 1945 mới rời Paris lên đường đi Ấn Độ để từ đó sang Đông Dương. Còn quân Tưởng thì đến ngày 27 - 8 - 1945, gần hai tuần sau khi Nhật đầu hàng, mới bắt đầu vượt biên giới Việt - Trung và mãi đến ngày 9 - 9 - 1945 mới vào tới Hà Nội, trong khi mọi việc chúng ta đã giải quyết xong vào ngày 2 - 9 - 1945.

Từ toàn bộ những sự kiện đã xảy ra cũng như tất

Xem tiếp trang 50

cả những đổi sách do Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương xử lý, đã minh chứng cho tư duy sáng tạo và cho tài năng kiệt xuất mà Đảng thể hiện trong nghệ thuật chỉ đạo cách mạng. Phải là một Đảng đã từng được thử thách trong đấu tranh, nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, biết điều khiển phong trào thực tiễn bằng cách vận dụng một cách uyển chuyển tính nguyên tắc và tính linh hoạt trong chiến lược và sách lược, bằng cách kết hợp một cách khéo léo tính cứng rắn và tính mềm dẻo trong phương pháp. Sự tinh táo và tài thao lược của Đảng luôn được phát huy đúng lúc và đúng chỗ cần thiết, nhất là trước những bước ngoặt ngoéo của lịch sử. Không theo sát sự vận động hết sức phức tạp của thời cuộc trong nước và quốc tế, chưa có điều kiện cần thiết và khả năng cho phép thì Đảng không bao giờ lại đột nhiên thay đổi về nhận định chiến lược, hấp tấp sửa đổi về chủ trương sách lược. Đó là thành công nổi trội của Đảng ta trong nghệ thuật chỉ đạo cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Hơn 70 năm đã trôi qua nhưng thắng lợi do sự vận dụng sáng tạo nghệ thuật chớp thời cơ của Đảng trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 vẫn là một dấu mốc lịch sử góp phần quyết định thắng lợi của cách mạng, mãi mãi là niềm tự hào để nhân dân Việt Nam tiếp tục phấn đấu xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t. 7, Nxb CTQG, H, 2000, tr. 365.
2. *Sđđ*, tr. 366.
3. *Sđđ*, tr. 130.
4. Trường Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, t.1, Nxb Sự Thật, H, 1975, tr. 236.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.7, Nxb CTQG, H, 2000, tr. 427.
- 6, 7, 8. *Sđđ*, tr. 427.
9. *Cách mạng Tháng Tám, một sự kiện vĩ đại của thế kỷ XX*, Nxb CTQG, H, 2005, tr. 120.
10. *Sđđ*, tr. 121.
11. *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, t. 3, Nxb CTQG, H, 1995, tr. 230.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.7, Nxb CTQG, H, 2000, tr. 353.